ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 120 /BC-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 6 năm 2014*

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 3854
Ngày: 27/6/14
Chuyển:

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện Quyết định số 722/QĐ-BTNMT ngày 23/4/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc thanh tra công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn các tỉnh: Quảng Nam, Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng, UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo tình hình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh thời gian qua như sau:

I. Khái quát chung về tỉnh Quảng Ngãi

1. Đặc điểm điều kiện tự nhiên và kinh tế, xã hội

Tỉnh Quảng Ngãi nằm ở duyên hải Nam Trung Bộ, có tọa độ địa lý 14°32' - 15°25' vĩ Bắc, 108°06' - 109°04' kinh Đông; phía bắc giáp tỉnh Quảng Nam, phía Nam giáp tỉnh Bình Định, phía Tây, Tây Bắc giáp tỉnh Quảng Nam, tỉnh Kon Tum, phía Tây Nam giáp tỉnh Gia Lai, phía Đông giáp biển Đông, có đường bờ biển dài gần 130km với 5 cửa biển chính là Sa Cần, Sa Kỳ, cửa Đại, Mỹ Á và Sa Huỳnh; với diện tích tự nhiên 5.131,5km^2, bằng 1,7% diện tích tự nhiên cả nước, dân số 1.217.159 người, bao gồm 14 huyện, thành phố, trong đó có 1 thành phố, 6 huyện đồng bằng ven biển, 6 huyện miền núi và 1 huyện đảo.

Quảng Ngãi là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung. Những năm gần đây kinh tế Quảng Ngãi tăng trưởng với tốc độ cao và cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa với sự tập trung phát triển, mở rộng Khu kinh tế Dung Quất; hoàn thiện các Khu công nghiệp Tịnh Phong, Quảng Phú; hình thành và phát triển Khu công nghiệp Phổ Phong, các cụm công nghiệp, làng nghề... GDP năm 2013 ước đạt 11.139,623 tỷ đồng đồng (theo giá so sánh năm 1994), tăng 11,5% so với năm 2012 và tăng 4% so với chỉ tiêu đề ra; trong đó, khu vực công nghiệp - xây dựng ước đạt 5.834,945 tỷ đồng, tăng 13,9% so với năm 2012 và cao hơn 7,6% so với kế hoạch năm; khu vực dịch vụ ước đạt 3.391,352 tỷ đồng, tăng 12,5% so với 2012 và đạt kế hoạch năm; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản ước đạt 1.913,326 tỷ đồng, tăng 3,0% so với năm 2012 và vượt 1,0% kế hoạch năm.

Phát triển công nghiệp - lĩnh vực này tiếp tục được xác định là nhiệm vụ đột phá. Vì vậy, tỉnh sẽ tập trung phát triển công nghiệp ở KKT Dung Quất, các khu công nghiệp và các cụm công nghiệp - làng nghề. Phát huy tiềm năng về đất đai, tài nguyên, lao động; đặc biệt là lợi thế cảng biển nước sâu để phát triển mạnh mẽ các ngành công nghiệp nặng có ý nghĩa chiến

lược, có giá trị gia tăng cao như công nghiệp lọc - hoá dầu, gia công kim loại, đóng tàu, khai khoáng, năng lượng điện... Ưu tiên các dự án đầu tư cơ sở sản xuất có công nghệ hiện đại, ít ô nhiễm, ít tiêu tốn ít năng lượng, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu, giải quyết được nhiều việc làm, góp phần chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động theo hướng tích cực.

Gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa tỉnh Quảng Ngãi thì rất nhiều vấn đề môi trường nảy sinh kèm theo như khí thải, nước thải, chất thải rắn và chất thải nguy hại ngày càng gia tăng. Trong thời gian qua, tỉnh cũng đã có những nỗ lực cụ thể trong công tác quản lý bảo vệ môi trường như:

- Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục nhận thức cộng đồng về bảo vệ môi trường, lôi cuốn toàn thể nhân dân tích cực tham gia bảo vệ môi trường.

- Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động bảo vệ môi trường. Phát động phong trào nhà nước và nhân dân cùng làm; huy động mọi nguồn nhân lực, vật lực để xử lý ô nhiễm môi trường.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra. Nghiêm khắc, quyết liệt xử lý các hành vi gây ô nhiễm, hủy hoại môi trường…

- Đầu tư ngân sách cho việc bảo vệ môi trường năm sau cao hơn năm trước và vượt mức quy định 1% tổng ngân chi ngân sách.

2. Tình hình phát triển và các biện pháp bảo vệ môi trường tại các Khu công nghiệp trên địa bàn

a) Công tác quy hoạch phát triển và thực trạng đầu tư tại các Khu công nghiệp trên địa bàn:

a1) Đối với Khu kinh tế Dung Quất:

Khu kinh tế Dung Quất là Khu kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực với quy mô diện tích 10.300 ha (giai đoạn 2015 - 2025, KKT Dung Quất dự kiến mở rộng quy hoạch lên đến 45.332 ha (10.752 ha diện tích mặt biển), bao gồm nhiều khu chức năng. Trong đó tập trung phát triển công nghiệp lọc hóa dầu, công nghiệp quy mô lớn gắn với cảng biển nước sâu.

Đến nay, Khu kinh tế Dung Quất đã cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 110 dự án, với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 139.321 tỷ đồng (tương đương 8 tỷ USD). Trong đó, có 71 dự án hoàn thành và đi vào hoạt động. Riêng 9 tháng đầu năm 2013, cấp giấy chứng nhận đầu tư cho 05 dự án, với tổng vốn đăng ký 1.188,07 tỷ đồng; chấp thuận chủ trương đầu tư cho 04 dự án với tổng vốn đầu tư khoảng 1.220 tỷ đồng. Hiện Khu kinh tế Dung Quất đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh mở rộng với diện tích 45.332 ha (bao gồm Khu kinh tế hiện hữu 10.300 ha, phần mở rộng 24.280 ha và khoảng 10.752 ha diện tích mặt nước).

Với quy mô phát triển Khu kinh tế Dung Quất trong tương lai như vậy, rõ ràng trên địa bàn tỉnh cũng như các tỉnh lân cận, phải xây dựng cơ sở hậu cần dịch vụ phát triển để có thể đáp ứng nhanh chóng và thuận lợi các nhu

cầu đa dạng của khu vực này. Đây là một thuận lợi lớn nhưng cũng là một thách thức không dễ vượt qua trong tiến trình phát triển kinh tế-xã hội theo nsgb bền vững của Quảng Ngãi.

a2) Đối với các Khu công nghiệp:

Tính đến nay, tỉnh Quảng Ngãi đã có 03 Khu công nghiệp (KCN) tập trung nằm trong hệ thống các KCN cả nước được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, với tổng quy mô diện tích 405,386 ha. Trong đó, có 02 Khu đang hoạt động và tiếp tục xây dựng là: KCN Tịnh Phong giai đoạn I 141,72 ha (nằm trong tổng thể quy hoạch KCN Tịnh Phong 350 ha) và KCN Quảng Phú được điều chỉnh với diện tích 106,285 ha; 01 KCN đang trong giai đoạn thực hiện đầu tư là KCN Phổ Phong 157,382 ha. Chức năng các KCN này là: sản xuất các ngành về vật liệu xây dựng, chế biến nông lâm thuỷ hải sản, khoáng sản, may mặc, nước giải khát và một số ngành nghề khác. Các khu công nghiệp đã thu hút được 81 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký kinh doanh hơn 4,2 ngàn tỉ đồng. Một số dự án lớn như: Nhà máy Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi, Nhà máy Viên nén gỗ Việt Nam...

Tại Khu Công nghiệp Tịnh Phong và KCN Quảng Phú đã thu hút được 85 dự án với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 5.740 tỷ đồng trong đó có 05 dự án có vốn đầu tư nước ngoài thu hút trên 5,1 triệu USD chủ yếu là các nước Áo, Nhật, Đài Loan, Úc, giải quyết việc làm cho trên 12.400 lao động, tỷ lệ lấp đầy KCN Quảng Phú khoảng 95%, KCN Tịnh Phong khoảng 75%, giá trị sản xuất công nghiệp đạt được so với kế hoạch năm 2013 là 68%.

a3) Đối với các Cụm công nghiệp - làng nghề (CN-LN): có 13 cụm CN-LN đã được quy hoạch và hiện nay đã thu hút đầu tư tại 6 cụm CN-LN của 6 huyện trên địa bàn tỉnh.

Cùng với sự phát triển công nghiệp trên địa bàn tỉnh ngày càng tăng thì vấn đề quản lý môi trường đô thị và công nghiệp là vấn đề đang được lãnh đạo tỉnh và các cấp, ngành, địa phương quan tâm và đầu tư các nguồn lực nhằm kiểm soát và giảm thiểu vấn đề ô nhiễm môi trường.

b) Tình hình quản lý môi trường tại các Khu Công nghiệp trên địa bàn tỉnh:

b1) Đối với Khu kinh tế Dung Quất:

*** Kết quả đầu tư các công trình xử lý chất thải:**

(1) Thu gom, xử lý chất thải rắn:

Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên, huyện Bình Sơn được quy hoạch và xây dựng nhằm mục đích xử lý toàn bộ khối lượng chất thải rắn phát sinh trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất và vùng phụ cận, đã đầu tư hoàn thành giai đoạn 1 với diện tích 12,57 ha và đi vào hoạt động từ tháng 10/2007. Hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn phát sinh trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất do Công ty cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama đảm nhiệm.

Công ty Cổ phần Cơ - Điện - Môi trường Lilama đang tiếp tục triển khai thực hiện giai đoạn 2 dự án Đầu tư thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Khu Kinh tế Dung Quất. Đến nay, giai đoạn 2 của dự án, Công ty đã đầu tư thêm: 01 ô chôn lấp chất thải nguy hại có sức chứa 1.782m^3 (hiện đang quy hoạch bãi chôn lấp chất thải nguy hại khoảng 3 ha tại khu vực Mã Ông Ký, xã Bình Khương, huyện Bình Sơn); Lò đốt chất thải nguy hại với công suất 500kg/h; hệ thống xử lý dầu nhiễm nước 1m^3/h;...

(2) Các hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung (giai đoạn 1 có công suất 2500m^3/ngày đêm) tại Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất (thuộc KCN phía Tây) đã đi vào hoạt động, đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải cho toàn bộ các nhà máy, doanh nghiệp trong Phân khu Sài Gòn - Dung Quất. Tuy nhiên, do các loại hình đầu tư trong Phân Khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất chủ yếu là may mặc, kho bãi, cơ khí xây dựng, chế biến gỗ... nên lượng nước thải phát sinh rất ít. Vì vậy, trạm xử lý nước thải tại Phân Khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất chỉ vận hành 01 lần/tháng.

- Đã đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng 02 trạm xử lý nước thải: Số 4 và số 5 thuộc Dự án Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thu gom và xử lý nước thải Khu dân cư và chuyên gia đô thị Vạn Tường, công suất mỗi trạm 900m^3/ngày đêm.

- Hiện nay, Ban Quản lý KKT Dung Quất đang tiếp tục lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải tập trung tại KCN phía Đông và phía Tây Dung Quất.

Ngoài ra, tại một số Doanh nghiệp lớn đều có hệ thống xử lý nước thải riêng, đạt yêu cầu quy định trước khi xả thải như: Nhà máy công nghiệp nặng Doosan, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy sản xuất Bioethanol Dung Quất.....

(3) Đầu tư các thiết bị quan trắc môi trường

Trung tâm Kỹ thuật quan trắc môi trường KKT Dung Quất là đơn vị trực thuộc Ban Quản lý KKT Dung Quất, đã được đầu tư các thiết bị quan trắc hiện đại để thực hiện chức năng quan trắc, phân tích, giám sát môi trường tại Khu kinh tế Dung Quất và vùng phụ cận; tư vấn, giám sát các công nghệ, thiết bị liên quan đến môi trường.

* Tình hình thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường:

(1) Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ môi trường

Thời gian vừa qua, công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật về môi trường đã làm thường xuyên, thiết thực, tạo cho nhân dân trong vùng nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ môi trường, hiểu biết tác hại của việc ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng của việc vứt xả rác bừa bãi; tăng cường công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ cây xanh, thực hiện ăn uống hợp vệ sinh, nâng cao tác phong công nghiệp trong giai đoạn mới để đáp ứng theo nhịp độ phát triển của Khu kinh tế Dung Quất.

Hàng năm, Ban Quản lý KKT Dung Quất chủ động phối hợp với UBND huyện Bình Sơn, Huyện đoàn Bình Sơn, Đoàn thanh niên các xã trong KKT Dung Quất,... tuyên truyền vận động nhân dân, doanh nghiệp, đơn vị trong KKT Dung Quất tích cực hưởng ứng các chương trình: Lễ ra quân trồng cây, Tuần lễ quốc gia nước sạch và vệ sinh môi trường, Ngày môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn,....bằng các hoạt động như: tổ chức lễ phát động, tuyên truyền; ra quân thu gom rác thải; tổ chức chương trình tập huấn các kiến thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ làm công tác môi trường tại các cơ quan, doanh nghiệp và các xã trong địa bàn Khu kinh tế Dung Quất; phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi xây dựng phóng sự về công tác bảo vệ môi trường tại KKT Dung Quất;.....

Những nội dung trên đây có ý nghĩa thiết thực trong việc nâng cao nhận thức cộng đồng, doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường, góp phần phát triển bền vững tại Khu kinh tế Dung Quất.

(2) Công tác phối hợp thanh tra, kiểm tra

Những năm qua, công tác thanh kiểm tra, giám sát về công tác bảo vệ môi trường tại KKT Dung Quất luôn được đẩy mạnh. Các sở, ngành thường xuyên phối hợp với Ban Quản lý KKT Dung Quất và chính quyền địa phương tại KKT Dung Quất tiến hành nhiều đợt kiểm tra, thanh tra về công tác bảo vệ môi trường và đề xuất cơ quan thẩm quyền xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

Trong năm 2013, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất đã phối hợp thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường với các cơ quan liên quan, tham gia kiểm tra, tham gia các Đoàn thanh tra về công tác bảo vệ môi trường đối với các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực dầu khí, cảng biển và quản lý chất thải nguy hại; thanh, kiểm tra việc chấp hành Luật Bảo vệ môi trường, Luật Tài nguyên nước; kiểm tra xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; kiểm tra việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành,... tại 14 đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn Khu kinh tế Dung Quất.

Ngoài ra, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất phối hợp với các sở, ngành và chính quyền địa phương, tham gia đối thoại với nhân dân, tham mưu xử lý các vấn đề liên quan đến sự cố môi trường, các vấn đề ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong nhân dân tại một số dự án: Khu xử lý chất thải rắn Bình Nguyên, Nhà máy xi măng Đại Việt, Nhà máy sản xuất Bioethanol; đề xuất biện pháp xử lý triệt để các vấn đề nêu trên.

(3) Công tác thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường:

UBND tỉnh Quảng Ngãi đã phê duyệt Quy hoạch tổng thể môi trường Khu kinh tế Dung Quất đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 tại Quyết định số 140/2005/QĐ-UBND ngày 31/12/2005. Đây là cơ sở quan trọng để kiểm tra, theo dõi, giám sát các vấn đề về môi trường tại Khu kinh tế Dung

Quất; đồng thời là cơ sở để xem xét, thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, xác nhận bảo cam kết bảo vệ môi trường của từng dự án tiếp theo khi đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Quyết định số 72/2005/QĐ-TTg ngày 05/4/2005, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất xác nhận Bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường (nay là Bản cam kết bảo vệ môi trường) cho 30 dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất. Từ khi Luật Bảo vệ môi trường 2005 có hiệu lực ngày 01/7/2006 đến nay, UBND huyện Bình Sơn xác nhận Bản cam kết bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất.

Hầu hết các dự án đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất đều đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trương trước khi hoạt động.

b2) Đối với các Khu công nghiệp:

Trong năm vừa qua, nhận thức về tầm quan trọng trong việc bảo vệ môi trường đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh tại 02 KCN Tịnh Phong và Quảng Phú đã được nâng cao theo chiều hướng tích cực. Các doanh nghiệp đã quan tâm nhiều đến công tác bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh các công trình xử lý môi trường; thường xuyên tuyên truyền, vận động mọi người không ngừng nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; phân công cán bộ thực hiện công tác quản lý, bảo vệ môi trường tại doanh nghiệp. Chính nhờ sự quan tâm của đội ngũ quản lý doanh nghiệp mà công tác bảo vệ môi trường đã có những chuyển biến đáng ghi nhận.

- Phần lớn các doanh nghiệp đã thực hiện các thủ tục về môi trường đúng quy định.

- Việc đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, xin giấy phép xả thải vào nguồn nước, công tác nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp đã được một số doanh nghiệp quan tâm thực hiện.

- Nhiều doanh nghiệp đã thực hiện báo cáo định kỳ về công tác bảo vệ môi trường với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Hầu hết các doanh nghiệp trong KKT, KCN đã đăng ký với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp theo quy định.

* Tình hình thu gom và xử lý chất thải rắn.

Hiện nay, 100% các doanh nghiệp tại 02 KCN Quảng Phú và Tịnh phong đã đăng ký với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp.

- Tại KCN Quảng Phú:

+ Chất thải rắn công nghiệp gồm: phế phẩm trong quá trình sản xuất các mặt hàng thủy sản như đầu cá, vây cá, xương cá, nội tạng cá; dăm gỗ, mùn cưa từ quá trình sản xuất các sản phẩm gỗ xuất khẩu; bã nha, bã bia, các sản

phẩm thừa từ quá trình sản xuất bánh kẹo; nhựa phế phẩm... với khối lượng khoảng 93.850 tấn/năm.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân làm việc tại các nhà máy trong KCN, chủ yếu: giấy, nhựa, thủy tinh, bao ni lông... khoảng 2.540 tấn/năm.

- Tại KCN Tịnh Phong:

+ Chất thải rắn công nghiệp gồm: phế phẩm trong quá trình sản xuất các mặt dăm gỗ, mùn cưa, bao bì carton, kính vụn, mẻ bê tông hỏng... khoảng 445 tấn/năm.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: phát sinh trong quá trình sinh hoạt của công nhân làm việc tại các nhà máy trong KCN, chủ yếu: bao ni lông, các thực phẩm thừa từ quá trình chế biến thức ăn... khoảng 63 tấn/năm.

* Tình hình thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại.

- Tại KCN Quảng Phú:

Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng khoảng 17 tấn/năm, phát sinh chủ yếu tại Công ty Cổ phần Đường Quảng Ngãi và Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Quảng Ngãi, bao gồm: giẻ lau dính dầu mỡ, vỏ thùng đựng dầu, mực in công nghiệp và mực in văn phòng thải, bóng đèn huỳnh quang, vật liệu cách nhiệt có chứa amiăng thải, dầu thủy lực tổng hợp thải, dầu động cơ bôi trơn, Acquy hỏng..... các doanh nghiệp đã thực hiện các biện pháp quản lý và xử lý như sau:

+ Các doanh nghiệp thu gom và tập kết tại vị trí nhất định trong kho, có mái che và tường bao quanh nhằm hạn chế đến mức tối đa sự phát tán ra môi trường.

+ Tập kết với số lượng nhất định, các đơn vị hợp đồng với đơn vị là Công ty Cổ phần Cơ điện và Môi trường Lilama xử lý.

+ Một số doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

- Tại KCN Tịnh Phong:

Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại KCN là khoảng 21 tấn/năm bao gồm: giẻ lau dính dầu mỡ, vỏ bình đựng dầu, hộp sơn, vecni, dầu động cơ bôi trơn.... các doanh nghiệp đã thực hiện một số biện pháp xử lý sau:

Một số doanh nghiệp thu gom và tập kết chất thải nguy hại tại những vị trí nhất định trong kho, có mái che và có tường bao quanh nhằm hạn chế đến mức tối đa sự phát tán ra môi trường. Một số doanh nghiệp đã thực hiện đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

Nhìn chung công tác quản lý chất thải nguy hại tại các KCN đã có những tiến bộ nhất định, xong vẫn còn những tồn tại cần khắc phục trong thời gian đến.

* Tình hình xử lý nước thải công nghiệp.

- Tại Khu công nghiệp Quảng Phú hiện nay đã đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, hoạt động với công suất 4.500 m^3/ngày đêm, với tổng mức đầu tư gần 41 tỷ đồng. Hầu hết, các doanh nghiệp có phát sinh nước thải lớn trong KCN Quảng Phú đã đấu nối vào hệ thống xử lý tập trung của KCN với việc đầu tư hệ thống xử lý này đã giải quyết được vấn đề ô nhiễm môi trường do nước thải gây ra.

- Khu công nghiệp Tịnh Phong theo ước tính có tổng lưu lượng nước thải khoảng 2.000 m^3/ngày đêm, tập trung ở các ngành như: chế biến đá granite, sắt thép và chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân làm việc tại KCN Tịnh Phong. Đến nay, KCN Tịnh Phong vẫn chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Các doanh nghiệp trong KCN tự xử lý nước thải cục bộ trước khi thải ra nguồn tiếp nhận đã hạn chế được tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất, kinh doanh. Hiện nay, KCN Tịnh Phong đã được Chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng kỹ thuật KCN lập dự án và thông qua các sở, ngành liên quan để góp ý hoàn chỉnh.

c) Đối với các làng nghề trên địa bàn tỉnh:

Hoạt động sản xuất của các làng nghề, ngành nghề nông thôn ở tỉnh phần lớn mang tính tự phát, manh mún, sản xuất theo phương pháp thủ công, truyền thống, theo quy mô hộ gia đình, tập trung ở khu dân cư. Do vậy, tỉnh đã chỉ đạo các Sở ngành tham mưu lập quy hoạch tập trung đưa các làng nghề, ngành nghề gây ô nhiễm môi trường ra khỏi khu dân cư.

Hầu hết các hộ cá nhân sản xuất các loại hình ngành nghề truyền thống chưa chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường hoặc có ý thức nhưng chưa đầu tư đúng mức các hệ thống xử lý nước thải.

Về công tác bảo vệ môi trường, trong những năm qua, tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố triển khai nhiều hoạt động liên quan đến công tác bảo vệ môi trường, đặc biệt là việc tuyên truyền, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của công đồng như: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các lớp tập huấn, hội thảo về môi trường, tổ chức các hoạt động về bảo vệ môi trường nhân dịp kỷ niệm "Ngày môi trường thế giới" và " Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn"...; tổ chức các hội thi tìm hiểu về chính sách và pháp luật về bảo vệ môi trường...

Các doanh nghiệp, cơ sở ngành nghề nông thôn khi chuyển vào Cụm, Điểm Công nghiệp - Làng nghề được kiểm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định.

Hiện nay, hầu hết các Cụm công nghiệp - Tiểu thủ Công nghiệp - Làng nghề, Điểm công nghiệp, làng nghề vẫn chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung.

II. Về công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

1. Tình hình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (BVMT):

a) Về ban hành cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch, tuyên truyền phổ biến pháp luật về BVMT:

Thời gian qua, tỉnh đã phê duyệt và ban hành Đề án xã hội hoá một số lĩnh vực của hoạt động bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2010-2015 và định hướng đến năm 2020, Quy chế phối hợp trong công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại Khu kinh tế Dung Quất, các Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh, Quy định về Giải thưởng Môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, Kế hoạch bảo vệ môi trường hàng năm, cũng như kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Ban Bí thư Trung ương... từ đó tạo được sơ sở pháp lý cho các ngành, các cấp thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Bên cạnh việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, pháp luật, nhiệm vụ về BVMT; các ngành, các cấp trong tỉnh cũng thường xuyên phối hợp tổ chức học tập, quán triệt và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục những chủ trương, chính sách, pháp luật này đến tất cả cán bộ, nhân dân. Thái độ và tinh thần học tập của các cán bộ, đảng viên là rất nghiêm túc, nhiệt tình.

Qua học tập, quán triệt: tất cả cán bộ. đảng viên, công chức đã nhận thức cao, đầy đủ về ý nghĩa, vai trò, cũng như tầm quan trọng đối với nhiệm vụ bảo vệ môi trường thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật luôn được tăng cường và đổi mới; nhận thức về công tác bảo vệ môi trường của các tổ chức, doanh nghiệp đã có những chuyển biến rõ rệt: đầu tư cho lĩnh vực môi trường được quan tâm hơn với nhiều dự án, công trình triển khai hiệu quả. Đặc biệt năm 2012, tỉnh Quảng Ngãi đã tổ chức Hội nghị đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khoá IX) và Chỉ thị số 29-CT/TW ngày 21/01/2009 của Ban Bí thư (khóa X) nói trên. Qua hội nghị, UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các cấp, các ngành và các cơ quan có liên quan ở tỉnh tiếp tục đẩy mạnh các nhiệm vụ triển khai thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW và Chỉ thị số 29-CT/TW trong giai đoạn tiếp theo.

Hàng năm, thực hiện tốt công tác phổ biến, quán triệt nội dung Nghị quyết số 41 gắn với lồng ghép vào các chương trình, kế hoạch truyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đến 100% cán bộ, đảng viên trong toàn ngành và cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh bằng nhiều hình thức và biện pháp như: phổ biến, thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức hội thảo, tập huấn triển khai các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường.

Tổ chức thực hiện các chuyên mục tài nguyên và môi trường; ký kết với các tổ chức đoàn thể như Tỉnh đoàn Quảng Ngãi, Đoàn Dân Chính Đảng tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh về phối hợp truyền thông bảo vệ môi trường và duy trì thường xuyên nội dung các chương trình truyền thông về Tài nguyên và Môi trường trên hệ thống các phương tiện thông tin đại

chúng.... Tính từ năm 2005 đến nay đã phối hợp tổ chức được 450 phong trào hoạt động về môi trường thu hút hơn 60.000 người tham gia hưởng ứng; xây dựng được hơn 150 chuyên mục tạp chí chuyên đề và hàng trăm tin bài có nội dung về các hoạt động bảo vệ môi trường; in, phát hành 50.000 tờ rơi, 2.500 tờ Poster tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường. Qua đó, góp phần phổ biến rộng rãi nội dung cơ bản của Nghị quyết số 41, các nội dung bảo vệ môi trường từng bước đi vào cuộc sống và phát huy hiệu lực. Kết quả các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh ngày càng quan tâm hơn đến hoạt động bảo vệ môi trường như lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường; các nhà máy, Công ty trước đây gây ô nhiễm đã chủ động vay hoặc cân đối nguồn vốn để đầu tư xây dựng hệ thống xử lý chất thải; các nhà máy, công ty xây dựng mới đều phải có hệ thống xử lý ô nhiễm ngay khi sản xuất ra sản phẩm đầu tiên...

Công tác thi đua khen thưởng được lồng ghép với các tiêu chí môi trường, kịp thời đưa tin gương người tốt, việc tốt trong công tác bảo vệ môi trường và công khai các tổ chức, doanh nghiệp sai phạm về bảo vệ môi trường trên các cổng thông tin đại chúng góp phần ngăn chặn những vi phạm xảy ra. Tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định số 11/2011/QĐ-UBND ngày 09/5/2011 Quy định Về Giải thưởng Môi trường trên địa bàn tỉnh; đầu năm 2012, kịp thời tham mưu Hội đồng xét tặng Giải thưởng và UBND tỉnh tiến hành tổ chức các quy trình xét tặng và trao tặng Giải thưởng theo quy định, với khoảng hơn 25 tổ chức và cá nhân đã nộp hồ sơ đăng ký.

b) Tình hình thực hiện các thủ tục hành chính về môi trường:

- Công tác thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường:

Trong thời gian đầu từ khi Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 có hiệu lực thi hành, công tác thẩm định còn nhiều yếu kém, chưa được chú trọng. Trong thời gian gần đây, công tác này được quan tâm và đẩy mạnh, Hội đồng thẩm định ngày càng được nâng cao trình độ và năng lực thẩm định, nội dung các báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) ngày càng chất lượng hơn. Tuy nhiên, vẫn còn rất nhiều chủ dự án vẫn xem báo cáo ĐTM, cam kết bảo vệ môi trường chỉ là một thủ tục hồ sơ để thực hiện dự án thể hiện qua việc chủ dự án giao trọn gói cho tư vấn còn nội dung hầu như không quan tâm. Về công tác thẩm định các hồ sơ CKBVMT ở hầu hết các địa phương còn yếu kém, hồ sơ thường chỉ do một chuyên viên phụ trách công tác môi trường thẩm định (vì không phải thông qua HĐTĐ) nên chất lượng báo cáo chưa cao.

Từ năm 2007 đến nay, số hồ sơ ĐTM của các dự án trên địa bàn tỉnh do Bộ Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt là 14 hồ sơ; Sở Tài nguyên và môi trường đã thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt 179 hồ sơ. Số lượng Dự án đã được cấp giấy xác nhận việc đã thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành là 11 dự án. Tổng

số Bản cam bảo vệ môi trường do UBND các huyện thành phố đã xác nhận từ năm 2011 đến nay là 556 hồ sơ.

Về công tác thẩm định, xác nhận Đề án BVMT: Từ năm 2011 đến năm 2013 Sở Tài nguyên và môi trường đã thẩm định và phê duyệt 35 hồ sơ Đề án bảo vệ môi trường chi tiết; UBND các huyện thành phố trên địa bàn tỉnh đã thẩm định, xác nhận 111 hồ sơ Đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

Về công tác ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Ngãi đã được thàn lập vào tháng 5/2014 nhưng chưa đi vào hoạt động, nên số tiền ký quỹ được các chủ dự án đóng vào các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh. Do vậy, Sở Tài nguyên và Môi trường gặp khó khăn trong việc quản lý, giám sát số tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường của các tổ chức cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản.

Trong thời gian đến, UBND tỉnh tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác kiểm tra, rà soát, thống kê tất cả các đơn vị hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh, đồng thời sớm đưa Quỹ Bảo vệ môi trường đi vào hoạt động trong tháng 8/2014.

- Công tác quản lý chất thải nguy hại (CTNH):

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chỉ có một đơn vị được cấp phép hành nghề quản lý chất thải nguy hại là Công ty Cổ phần cơ điện môi trường Lilama. Công ty này được UBND tỉnh cấp phép hoạt động từ năm 2009, đến nay Công ty đã xin mở rộng vùng hoạt động và được Tổng cục Môi trường cấp phép hoạt động từ năm 2012 với mã số QLCTNH: 1-4-5-6.025.VX.

Tính từ năm 2008 đến nay, số lượng các chủ nguồn thải CTNH đăng ký đã cấp mới và cấp lại khoảng 102 Sổ đăng ký chủ nguồn thải. Trên cơ sở các Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH, kết quả kiểm tra, tổng hợp chứng từ CTNH, báo cáo QLCTNH của chủ nguồn thải xác định khối lượng phát sinh theo đăng ký khoảng 3.477 tấn/năm với các chủng loại phát sinh chủ yếu là: dầu mỡ thải, thùng bao bị nhiễm các thành phần nguy hại, vật liệu mài dạng hạt thải có các thành phần nguy hại...; Trong đó, một số nhà máy có phát sinh chất thải nguy hại lớn như: Công ty Lọc hoá dầu Bình Sơn, Công ty TNHH công nghiệp nặng Doosan Việt Nam, Công ty TNHH MTV Công nghiệp tàu thủy Dung Quất... các cơ sở sản xuất còn lại trên địa bàn tỉnh đều thải ra chất thải nguy hại với khối lượng không nhiều và hầu hết được lưu giữ tại kho chứa của các cơ sở và ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để vận chuyển, xử lý.

c) Về công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về BV môi trường:

Hàng năm, UBND tỉnh chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Công an tỉnh phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan định kỳ tổ chức thanh kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT, đẩy mạnh giải quyết các điểm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định

số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/3/2003 của Thủ tướng Chính phủ và các Quyết định của UBND tỉnh về việc phê duyệt danh mục và biện pháp xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Về cơ bản, các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện đầy đủ các thủ tục pháp lý về môi trường. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có đơn vị chưa chấp hành đúng quy định pháp luật về BVMT, một số vi phạm phổ biến như: Thực hiện không đầy đủ yêu cầu của báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và cam kết BVMT đã được phê duyệt, chậm tiến độ xây dựng công trình xử lý về môi trường, chất thải nguy hại chưa được xử lý đúng quy định của pháp luật, thực hiện giám sát định kỳ về môi trường không đúng tần suất trong báo cáo ĐTM, bản cam kết BVMT; không thực hiện thủ tục kiểm tra, xác nhận các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trước khi đưa dự án đi vào vận hành chính thức...

Trong thời gian từ năm 2011 đến 2013, Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thực hiện 26 cuộc thanh tra, kiểm tra tại 26 tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh. Qua thanh tra Cơ quan chuyên môn đã quyết định xử phạt hoặc tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường với tổng số tiền 750,0 triệu đồng. Tất cả các tổ chức đã chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nộp vào ngân sách Nhà nước.

d) Tình hình bố trí kinh phí môi trường 3 năm (2012, 2013, 2014) và tỉ lệ bố trí.

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Năm	Tổng kinh phí chi thường xuyên ngân sách địa phương	Kinh phí sự nghiệp môi trường	Tỉ lệ bố trí
1	2013	3.670.367,4	51.639,9	1,4
2	2013	4.599.930,2	54.235,5	1,2
3	2014	4.920.404,0	55.912,0	1,2
Tổng cộng		13.190.710,6	161.787,4	1,2 (trung bình)

đ) Công tác thu phí BVMT đối với nước thải:

Từ năm 2007 tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành tổ chức thu phí BVMT đối với nước thải. Cụ thể:

+ Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt:

- Năm 2007: 643.368.700 đồng
- Năm 2008: 681.709.300 đồng
- Năm 2009: 737.904.900 đồng
- Năm 2010: 788.239.100 đồng
- Năm 2011: 1.122.359.880 đồng

- Năm 2012: 1.149.231.500 đồng

- Năm 2013: 1.071.244.330 đồng

+ Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp:

- Năm 2007: 151.270.300 đồng

- Năm 2008: 207.987.500 đồng

- Năm 2009: 1.203.035.807đồng (trong đó truy thu 1.003.000.000 đồng).

- Năm 2010: 501.193.388 đồng (trong đó truy thu 278.000.000 đồng)

- Năm 2011: 267.181.000 đồng

- Năm 2012: 209.598.000 đồng

- Năm 2013: 254.786.500 đồng.

Qua thời gian thực hiện Nghị định số 67/2003/NĐ-CP (nay thay thế bằng Nghị định số 25/2013/NĐ-CP) được sự quan tâm của các cấp lãnh đạo; công tác thu phí thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải đạt được kết quả đáng khích lệ, đặc biệt là phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt. Cho thấy nhận thức của cộng đồng về bảo vệ môi trường được nâng lên, một số đối tượng đã quan tâm hơn đến công tác bảo vệ môi trường và chấp hành tốt việc kê khai phí, cũng như nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải.

Tuy nhiên, hiện nay việc tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp vẫn còn một số hạn chế, kết quả đạt được chưa như mong muốn. Nguyên nhân là do chưa có định mức chuẩn về lưu lượng nước thải và nồng độ chất độc hại trong nước thải cho từng ngành, nghề; quy trình thẩm định thu phí quá nhiều khâu, thiếu căn cứ, nên việc thẩm định và quản lý phí còn khó khăn chủ yếu dựa vào kê khai của các cơ sở thu phí; dẫn đến một số cơ sở kê khai thấp hơn mức thực tế. Qua thanh kiểm tra, đã phát hiện các hành vi vi phạm nêu trên và tổ chức truy thu số tiền đã thất thoát. Về vấn đề này, tỉnh Quảng Ngãi sẽ tiếp tục chấn chỉnh trong thời gian đến.

e) Công tác chỉ đạo xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg và Quyết định số 1788/QĐ-TTg:

Đối với nhiệm vụ này tỉnh đã chỉ đạo sâu sát, quyết liệt các ngành, các cấp tổ chức thực hiện.

- Trong thời gian qua, UBND tỉnh cũng đã tập trung chỉ đạo thực hiện các chính sách hỗ trợ như bố trí diện tích sử dụng đất, hàng năm bố trí nguồn vốn từ ngân sách của tỉnh để hỗ trợ thực hiện xử lý triệt để ô nhiễm môi trường đối với bãi rác thành phố Quảng Ngãi, bãi rác huyện Đức Phổ, Kênh nước thải Hào Thành, Trung tâm y tế huyện Mộ Đức, Trung tâm Y tế huyện Bình Sơn với tổng kinh phí khoảng 37.500.000.000 đồng (Hỗ trợ từ ADB và vốn đối ứng của tỉnh). Bên cạnh đó, từ năm 2006 đến nay, UBND tỉnh đã cấp cho Sở Y tế 5,911 tỷ để hỗ trợ xử lý chất thải rắn y tế và 13,8 tỷ cho Công ty Cổ phần môi trường đô thị Quảng Ngãi hỗ trợ xử lý rác thải.

Hiện nay đã có 03/07 Đơn vị đã lập hồ sơ hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành Quyết định chứng nhận hoàn thành xử lý triệt để ô nhiễm (gồm: Bệnh viện Đa khoa huyện Mộ Đức, Bình Sơn và Nhà máy SX tinh bột mỳ Tịnh Phong); 01/07 đơn vị đã dừng hoạt động từ năm 2005 (Công ty CB thực phẩm xuất khẩu Quảng Ngãi); Đối với 03 Đơn vị còn lại: Kênh nước thải Hào Thành (đã được đầu tư cống hộp thoát nước thải), Bãi rác thị xã Quảng Ngãi (bãi rác thành phố Quảng Ngãi tại xã Nghĩa Kỳ) và Bãi rác thị trấn Đức Phổ đã hoàn thành công tác xử lý môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành văn bản hướng dẫn đơn vị chủ quản lập hồ sơ đề nghị xác nhận hoàn thành xử lý ô nhiễm triệt để.

- Công tác thanh, kiểm tra về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp nói chung, kể cả các đơn vị có tên trong Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg được thực hiện thường xuyên. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Cảnh sát môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường khu vực miền Trung Tây nguyên, Tổng cục Môi trường tiến hành nhiều đợt kiểm tra và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

- Tình hình rà soát, phát hiện lập danh mục và biện pháp xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa tỉnh:

Căn cứ Thông tư số 07/2007/TT-BTNMT ngày 03// 2007 về việc hướng dẫn phân loại và quyết định danh mục cơ sở gây ô nhiễm môi trường cần phải xử lý và Thông tư số 04/2012/TT-BTNMT ngày 08/5/2012 của Bộ TN&MT về quy định tiêu chí xác định cơ sở gây ô nhiễm môi trường, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; từ năm 2009 đến nay, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và môi trường phối hợp cùng các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố rà soát, đối chiếu với tiêu chí phân loại cơ sở gây ô nhiễm môi trường theo quy định; phân loại, đề xuất danh sách các cơ sở gây ô nhiễm môi trường hàng năm trong các lĩnh vực, ngành, địa phương quản lý; tham mưu UBND tỉnh Quyết định phê duyệt danh mục và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, cụ thể như sau:

+ Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng năm 2008: Quyết định số 1049/QĐ-UBND ngày 30/6/2009 gồm: 02 cơ sở gây ô nhiễm môi trường và 04 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

+ Các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng năm 2010: Quyết định số 1162/QĐ-UBND ngày 27/7/2011 gồm: 07 cơ sở gây ô nhiễm môi trường và 04 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Ngoài ra, UBND tỉnh ban hành bổ sung các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng năm 2010: Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 11/8/2011 gồm: 10 cơ sở.

+ Cơ sở gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng năm 2011: Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 19/6/2012 gồm: 03 cơ sở gây ô nhiễm môi trường và 02 cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

Ngoài ra, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch xử lý đối với cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: Quyết định số 391/QĐ-UBND ngày 24/3/2014 gồm: 01 cơ sở.

Thực hiện các Quyết định nêu trên, hàng năm UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, theo dõi tình hình thực hiện các biện pháp, thời gian xử lý ô nhiễm triệt để theo các yêu cầu của các cơ sở có tên trong danh mục, đồng thời yêu cầu các cơ sở có tên trong Quyết định báo cáo kết quả thực hiện, tổ chức thanh tra, xử lý hành vi vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường theo luật định đối với các cơ sở chưa thực hiện hoàn thành các nội dung yêu cầu theo quy định...

Bên cạnh những cơ sở đã được chứng nhận hoàn thành các biện pháp xử lý triệt để ô nhiễm môi trường còn có một số cơ sở cũng đã thực hiện các thủ tục, hồ sơ để được chứng nhận nhưng chưa hoàn chỉnh và đảm bảo đúng quy định.

V. Kết luận, kiến nghị

1. Kết luận:

Tóm lại, từ khi Trung ương ban hành Nghị quyết số 41/NQ-TW của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 29/CT của Ban Bí thư về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, công tác bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Ngãi bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định, các vấn đề ô nhiễm môi trường đã và đang được kiểm soát. Công tác xã hội hóa trong hoạt động bảo vệ môi trường được đẩy mạnh. Điều này chứng tỏ sự quan tâm của cả hệ thống chính trị, cùng với sự tham gia hưởng ứng tích cực của cộng đồng đối với sự nghiệp bảo vệ môi trường trong thời gian qua.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác bảo vệ môi trường ở tỉnh Quảng Ngãi vẫn còn nhiều tồn tại và thách thức. Tình trạng vứt rác bừa bãi, nước thải khí thải chưa được xử lý triệt để đã gây ô nhiễm cục bộ nhiều nơi; ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận dân cư chưa cao; công tác tuyên truyền giáo dục chưa được đổi mới và liên tục, còn mang tính phong trào.

** Một số khó khăn, tồn tại:*

- Công tác tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng được quan tâm nhưng hiệu quả chưa cao, chưa tác động mạnh và rộng rãi đến đông đảo các đối tượng.

- Cán bộ phụ trách môi trường tại các doanh nghiệp chưa chuyên sâu, còn hạn chế trong nghiệp vụ môi trường nên công tác tham mưu thực hiện bảo vệ môi trường chưa mang lại hiệu quả như mong đợi.

- Các doanh nghiệp vẫn còn nhận thức chưa đầy đủ về tầm quan trọng

của việc bảo vệ môi trường đối với sự ổn định trong sản xuất kinh doanh và sự phát triển bền vững. Chính vì thế, họ chỉ quan tâm đến lợi nhuận, đến việc phát triển sản phẩm mà chưa chú trọng đến môi trường.

- Đầu tư từ ngân sách Nhà nước cho bảo vệ môi trường tuy có tăng nhưng vẫn còn quá ít so với yêu cầu thực tế, dẫn đến phân tán, dàn trải, hiệu quả chưa cao. Đầu tư từ các tổ chức, cá nhân cho bảo vệ môi trường còn rất ít.

- Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự quan tâm, phối kết hợp trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực này.

- Một số địa phương chưa tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với các hộ gia đình và các cơ sở sản xuất - kinh doanh tự khai thác nước ngầm. Nhiều đơn vị, cơ sở sản xuất - kinh doanh chưa tuân thủ việc nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp. Qua kiểm tra hiện nay, trên địa bàn tỉnh còn nhiều cơ sở thuộc đối tượng nộp phí, sau khi có thông báo của cơ quan chức năng vẫn chưa tiến hành việc kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định; một số đơn vị kê khai nộp phí còn mang tính đối phó, kê khai chưa chính xác về lưu lượng và hàm lượng các chất gây ô nhiễm trong nước thải, gây khó khăn cho quá trình thẩm định. Vì thiếu công cụ và cơ sở nên việc thẩm định mức phí chủ yếu dựa vào kê khai của các cơ sở và thông báo theo mức phí "tạm thu". Do vậy, số phí kê khai thấp hơn nhiều so với thực tế. Mặt khác quy trình thu phí phải qua quá nhiều công đoạn nhưng lại thiếu cơ sở để tính toán và thẩm định mức phí chính xác.

- Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được yêu cầu. Một số địa phương, các cấp lãnh đạo chưa thực sự quan tâm đúng mức đối với lĩnh vực môi trường, nên hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải, chất thải rắn chưa được chú ý nhiều, một vài nơi còn làm việc qua loa, chiếu lệ mang tính hình thức. Những địa phương làm tốt công tác này nhưng chưa tổng kết, để nhân rộng mô hình ra tất cả các xã trên địa bàn huyện do thiếu kinh phí.

2. Kiến nghị đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường:

- Tiếp tục kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác bảo vệ môi trường từ tỉnh đến cấp huyện, xã phường; bổ sung biên chế, tăng cường đào tạo nhằm nâng cao năng lực chuyên môn để đáp ứng với nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh CNH-HĐH.

Kiến nghị với Chính phủ: Thành lập một đầu mối quản lý về môi trường (như một số nước đã thành lập Bộ Môi trường) nhằm thống nhất công tác quản lý nhà nước về môi trường, mang tính độc lập vì hiện nay có quá nhiều đầu mối quản lý một vấn đề, làm như vậy sẽ bị chia xẻ nguồn lực và hiệu quả cũng rất thấp, chưa đáp ứng với xu thế phát triển bền vững của đất nước; thành lập Thanh tra chuyên ngành bảo vệ môi trường có chức năng tương tự như bộ phận Thanh tra thuộc Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm

cấp tỉnh.

- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất-kinh doanh; kiên quyết xử lý nghiêm minh đối với những hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Hàng năm, lập danh sách những cơ sở sản xuất-kinh doanh gây ô nhiễm môi trường đưa lên phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời có chính sách khen thưởng những đơn vị làm tốt công tác bảo vệ môi trường.

- Tăng cường đầu tư xây dựng các hệ thống xử lý môi trường tập trung tại các cụm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Thúc đẩy các địa phương khẩn trương đầu tư xây dựng các bãi chôn lấp chất thải rắn hợp vệ sinh cũng như công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn.

- Đề nghị ban hành những quy định với chế tài đủ mạnh, rõ ràng để xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm pháp luật về nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải, đồng thời ban hành định mức chuẩn về lưu lượng nước thải và nồng độ chất độc hại trong nước thải cho từng ngành, nghề; nhằm thẩm định và xác định mức phí bảo vệ môi trường phải nộp đối với từng đơn vị, từng cơ sở sản xuất - kinh doanh phù hợp với thực tế.

- Tập trung đầu tư phát triển các ngành nghề, làng nghề phục vụ nhu cầu tiêu dùng thường xuyên, sản phẩm có thị trường tiêu thụ ổn định, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, ít gây ô nhiễm môi trường. Các Doanh nghiệp, Cơ sở ngành nghề nông thôn chuyển vào Cụm, Điểm công nghiệp - Làng nghề được hỗ trợ tiền thuê đất, tiền thuế... và được kiểm tra đánh giá tác động môi trường theo quy định; cần có chính sách hỗ trợ tài chính để đầu tư các công trình xử lý môi trường tại các làng nghề được quy hoạch tập trung.

Trên đây là toàn bộ tình hình thực hiện chức năng quản lý nhà nước về Bảo vệ môi trường trên địa bàn các tỉnh thời gian qua, UBND tỉnh báo cáo Đoàn thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Đoàn thanh tra của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Công an tỉnh, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Quảng Ngãi;
- UBND các huyện, thành phố;
- VPUB: CVP,PCVP(NL), CN-XD, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV575).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Trường Thọ